

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04/01/2024.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà: **Lê Thị Sáu**.

2. Ông: **Phạm Đức Minh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 231/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2023 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/12/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐHNGĐ-ST ngày 18/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kiều D, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Đặng Đình T, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 3, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị D có đơn đề nghị vắng mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chị D có tình cảm yêu nhau được 04 tháng thì quyết định kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/5/2009. Hôn nhân tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Ông T thường xuyên ăn chơi, cờ bạc, cá độ bóng đá; chị D và gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng ông không thay đổi. Hiện nay, tài sản vợ chồng ông T đã bán trả nợ hết nên vợ chồng không còn tài sản gì. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 9/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, chị D yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Chị D và ông T có 03 con chung gồm: Đặng Võ Thảo N sinh ngày 14/02/2011, Đặng Phúc T sinh ngày 27/6/2015 và Đặng Phúc T sinh ngày 13/6/2019. Trong thời gian ly thân tôi đang nuôi cháu N và cháu Thọ. Ly hôn chị D có nguyện vọng nuôi cháu N và cháu Thọ; còn cháu Phúc đang sống với ông T nên chị D đồng ý giao cho

ông T nuôi dưỡng; chị D không cấp dưỡng nuôi cháu Phúc và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu Thọ.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án ông T từ chối nhận văn bản tố tụng, không đến Tòa án làm việc, không có bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị D .

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị D và ông T được ly hôn với nhau; giao con chung gồm cháu Đặng Võ Thảo N sinh ngày 14/02/2011, Đặng Phúc T sinh ngày 13/6/2019 cho chị D nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Đặng Phúc T sinh ngày 27/6/2015 cho ông T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; chị D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; buộc chị D phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị D có đơn đề nghị vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên áp dụng khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và ông T có tìm hiểu yêu nhau và kết hôn tại UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 19/5/2009; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của chị D và ông T là hợp pháp.

Qua xác minh thì địa phương không rõ được mâu thuẫn vợ chồng chị D và ông T . Tuy nhiên, trên thực tế hiện nay chị D và ông T đã ly thân. Tòa án triệu tập ông T nhiều lần nhưng ông không đến làm việc, không có bất kỳ trình bày nào về yêu cầu khởi kiện của chị D . Điều này cho thấy ông T bỏ mặc hôn nhân của mình, không muốn sống chung với chị D nữa. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của chị D và ông T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp xử cho chị D và ông T được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy trong thời gian ly thân, chị D là người trực tiếp nuôi cháu Đặng Võ Thảo N và Đặng Phúc T ; ông T nuôi cháu Đặng Phúc T . Để không làm xáo trộn môi trường sinh sống của các cháu. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị D , giao cháu N và cháu Thọ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Phúc cho ông T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu N và cháu Thọ, không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phúc. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Kiều D về việc “Ly hôn” với ông Đặng Đình T, xử cho chị D và ông T được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Võ Thảo N sinh ngày 14/02/2011, Đặng Phúc T sinh ngày 13/6/2019 cho chị D nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu và Đặng Phúc T sinh ngày 27/6/2015 cho ông T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị D và ông T không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

3. Về án phí: Buộc chị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 1363 ngày 09/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Chị D đã nộp xong).

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND Thị trấn Lộc Thắng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN
TÒA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Minh

Lê Thị Sáu

Nguyễn Văn Linh